

Số: 529/2022/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 08 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 752/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Trần Ngọc Kim T, sinh năm 1992; địa chỉ: 2A/12 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Phạm Minh D, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Ông Phạm Minh D và bà Trần Ngọc Kim T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương vào năm 2015.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, không quan tâm chăm sóc cho nhau khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phạm Minh D và bà Trần Ngọc Kim T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Trong quá trình chung sống, ông Phạm Minh D và bà Trần Ngọc Kim T xác định có 02 con chung tên Phạm Gia Cát T, sinh ngày 20/02/2017 và Phạm Cao K, sinh ngày 20/4/2019.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Gia Cát T, sinh ngày 20/02/2017 và Phạm Cao K, sinh ngày 20/4/2019 cho bà Trần Ngọc Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Minh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Ông Phạm Minh D và bà Trần Ngọc Kim T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Phạm Minh D và bà Trần Ngọc Kim T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh D và bà Trần Ngọc Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Gia Cát T, sinh ngày 20/02/2017 và Phạm Cao K, sinh ngày 20/4/2019 cho bà Trần Ngọc Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Minh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Ông Phạm Minh D và bà Trần Ngọc Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002874 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và**

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Ngọc Kiệt**